

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LOGISTICS VINALINK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

*(Red circular stamp on the right edge)*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 32

*Handwritten signature or mark in red ink on the right margin.*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/04/2018)

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Nam Tiến

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Số: 19.138/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.11 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc trong năm 2018 Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn 2016 – 2020, theo đó đơn giá được xác định lại thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
  - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
  - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn 2016 – 2017.

Căn cứ vào các văn bản nêu trên, hiện nay Công ty đã điều chỉnh tiền thuê đất năm 2018 vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo đơn giá tại Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thuế Quận 4. Riêng đối với tiền thuê đất năm 2016, 2017, Công ty tạm thời vẫn sử dụng đơn giá theo các thông báo nộp tiền thuê đất trước đây của Chi cục thuế Quận 4 và sẽ tiến hành điều chỉnh ngay sau khi có kết luận chính thức của Kiểm toán Nhà nước về vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Hồng Loan**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019



**Nguyễn Vĩnh Thụy**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
3590-2016-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>240.099.086.366</b>	<b>259.823.432.520</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>47.804.142.433</b>	<b>120.464.859.572</b>
1. Tiền	111		18.506.815.067	49.608.938.880
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.297.327.366	70.855.920.692
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>189.967.204.561</b>	<b>139.358.572.948</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	173.836.529.725	137.482.848.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.444.814.809	2.031.950.246
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	15.884.562.807	2.814.254.768
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.198.702.780)	(2.970.480.383)
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.327.739.372</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.494.882	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	648.317.350	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	1.627.927.140	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>92.071.186.464</b>	<b>58.603.651.707</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.273.581.000</b>	<b>8.991.838.207</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	4.3	3.087.000.000	7.973.352.207
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	3.186.581.000	1.018.486.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.434.233.459</b>	<b>9.763.671.858</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	7.304.233.459	9.763.671.858
Nguyên giá	222		37.971.754.829	39.422.841.029
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.667.521.370)	(29.659.169.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	26.130.000.000	-
Nguyên giá	228		26.130.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.780.881.135</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	14.780.881.135	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.9	<b>36.882.260.886</b>	<b>39.650.893.302</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		526.750.000	526.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.214.493.302	38.397.993.302
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.585.132.416)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>700.229.984</b>	<b>197.248.340</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		700.229.984	197.248.340
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>332.170.272.830</b>	<b>318.427.084.227</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>141.527.280.976</b>	<b>137.774.384.517</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.222.280.976</b>	<b>80.092.317.517</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	63.986.485.996	51.318.677.946
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		80.079.500	1.443.268.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	5.541.697.694	4.002.286.105
4. Phải trả người lao động	314	4.12	10.001.500.059	9.965.033.988
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	1.294.510.939	3.464.528.003
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	3.517.653.354	4.873.381.658
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	4.800.353.434	5.025.141.734
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>52.305.000.000</b>	<b>57.682.067.000</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.16	19.500.000.000	24.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	32.805.000.000	33.182.067.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>190.642.991.854</b>	<b>180.652.699.710</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.17	<b>190.642.991.854</b>	<b>180.652.699.710</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	9.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.692.991.854	76.702.699.710
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		68.031.539.710	59.443.954.728
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.661.452.144	17.258.744.982
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>332.170.272.830</b>	<b>318.427.084.227</b>



**Nguyễn Nam Tiến**  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Anh Nam**  
Kế toán trưởng

**Lê Thị Thanh Thanh**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		927.561.115.966	812.473.709.257
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	927.561.115.966	812.473.709.257
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	896.693.163.670	787.582.490.597
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.867.952.296	24.891.218.660
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	14.209.853.066	12.855.480.467
6. Chi phí tài chính	22	5.4	5.286.521.669	1.802.614.319
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	10.408.143.145	12.110.028.830
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.383.140.548	23.834.055.978
9. Thu nhập khác	31	5.6	235.468.977	5.777.127.203
10. Chi phí khác	32		-	76.661.209
11. Lợi nhuận khác	40		235.468.977	5.700.465.994
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.618.609.525	29.534.521.972
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	5.657.157.381	5.975.776.990
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.961.452.144	23.558.744.982



**Nguyễn Nam Tiến**  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Anh Nam**  
Kế toán trưởng

**Lê Thị Thanh Thanh**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.618.609.525	29.534.521.972
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	2.432.652.650	3.062.726.939
Các khoản dự phòng	03		(186.645.187)	855.056.699
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(211.042.803)	(119.644.219)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.345.749.493)	(10.594.974.332)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.307.824.692	22.737.687.059
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.035.955.552)	(13.550.401.939)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.763.315.153	(6.619.879.655)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(554.476.526)	788.993.328
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(3.641.154.631)	(4.776.266.809)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(688.000.000)	(965.540.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.848.446.864)	(2.385.408.636)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40.910.881.135)	(1.262.005.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		216.363.636	152.727.273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(238.822.500)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.804.263.956	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.535.407.650	10.442.247.059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.354.845.893)	9.094.146.378
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		(72.703.292.757)	(6.791.262.258)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		120.464.859.572	127.164.716.617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		42.575.618	91.405.213
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	70	4.1	47.804.142.433	120.464.859.572



Nguyễn Nam Tiến  
Tổng giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 337 người (31/12/2017: 343 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ vận tải.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

**1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

*(Xem tiếp trang sau)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
<b>Công ty con:</b>				
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C/168, Samdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	100,00%	100,00%	100,00%
<b>Công ty liên doanh, liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Lô KB13, đường T5, Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	56,52%	56,52%	56,52%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30 Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Chi nhánh tại Quy Nhơn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-004 ngày 21 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

#### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán 23.000 VND/USD.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 23.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.4. Đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Đầu tư vào công ty liên doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)**

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

*Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

**3.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2018</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất, phí thuê văn phòng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.11. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả là giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo và chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được xác định căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm, và ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.12. Lương**

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

**3.13. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

**3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.15. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.16. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.19. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức: 10%

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	3.020.479.896	13.255.083.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.486.335.171	36.353.855.697
Các khoản tương đương tiền	29.297.327.366	70.855.920.692
<b>Cộng</b>	<b>47.804.142.433</b>	<b>120.464.859.572</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,4%/năm.

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	12.192.313.707	1.658.519.004
Phải thu khách hàng trong nước:	113.765.166.285	95.396.773.359
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	14.449.996.962	12.658.412.109
<i>Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet</i>	13.275.849.866	12.961.451.935
<i>Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV</i>	5.112.427.525	369.548.657
<i>Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông</i>	4.550.619.698	2.490.272.193
<i>Công ty TNHH Thời Trang Star</i>	3.290.143.575	2.068.014.155
<i>Chi Nhánh Hà Nội - Công Ty TNHH Ium Logistics</i>	2.116.589.687	2.026.046.549
<i>Khách hàng khác trong nước</i>	70.969.538.972	62.823.027.761
Phải thu khách hàng nước ngoài:	45.166.584.023	35.269.573.128
<i>Mekong International Transport Co., Ltd</i>	7.327.368.389	5.146.872.912
<i>Hong Leng Hour Import Export &amp; Transportation Co., Ltd</i>	4.863.727.332	11.891.127.881
<i>H-Sea (NINGBO) Supply Chain Management Co., Ltd</i>	4.084.670.104	5.564.152.108
<i>Khách hàng nước ngoài khác</i>	28.890.818.198	12.667.420.227
Phải thu khách hàng khác	2.712.465.710	5.157.982.826
<b>Cộng</b>	<b>173.836.529.725</b>	<b>137.482.848.317</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.3. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Trả trước người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	1.000.541.631	1.180.000.000
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	444.273.178	851.950.246
<b>Cộng</b>	<b>1.444.814.809</b>	<b>2.031.950.246</b>
Dài hạn:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh (*)	3.087.000.000	3.087.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh	-	4.886.352.207
<b>Cộng</b>	<b>3.087.000.000</b>	<b>7.973.352.207</b>

(\*) Là khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh (*)	3.986.352.207	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	3.081.537.856	-	1.474.297.968	-
Ký cược, ký quỹ	8.276.250.000	-	-	-
Phải thu khác	540.422.744	-	1.339.956.800	-
<b>Cộng</b>	<b>15.884.562.807</b>	<b>-</b>	<b>2.814.254.768</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An liên quan đến hợp đồng thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Đến ngày 08 tháng 10 năm 2017, Công ty đã thỏa thuận với Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh để thanh lý hợp đồng và thu hồi lại khoản ứng trước trên.

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.4. Phải thu khác (tiếp theo)**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	3.186.581.000	-	1.018.486.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.186.581.000</b>	<b>-</b>	<b>1.018.486.000</b>	<b>-</b>

**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.814.709.732	616.006.952	5.459.939.239	2.489.458.856

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm	25.296.584	17.707.609	-	-
Dư nợ từ 1 - 2 năm	1.138.710.516	569.355.217	4.897.470.634	2.448.735.316
Dư nợ từ 2 - 3 năm	96.480.420	28.944.126	135.745.133	40.723.540
Dư nợ từ trên 3 năm	554.222.212	-	426.723.472	-
<b>Cộng</b>	<b>1.814.709.732</b>	<b>616.006.952</b>	<b>5.459.939.239</b>	<b>2.489.458.856</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc, thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	8.052.973.806	1.543.492.521	29.025.749.820	800.624.882	39.422.841.029
Thanh lý	-	(750.000.000)	(701.086.200)	-	(1.451.086.200)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>8.052.973.806</b>	<b>793.492.521</b>	<b>28.324.663.620</b>	<b>800.624.882</b>	<b>37.971.754.829</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	7.474.586.586	1.417.392.044	19.979.706.480	787.484.061	29.659.169.171
Khấu hao trong năm	86.758.092	99.314.728	2.239.122.326	7.457.504	2.432.652.650
Thanh lý	-	(723.214.251)	(701.086.200)	-	(1.424.300.451)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>7.561.344.678</b>	<b>793.492.521</b>	<b>21.517.742.606</b>	<b>794.941.565</b>	<b>30.667.521.370</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	578.387.220	126.100.477	9.046.043.340	13.140.821	9.763.671.858
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>491.629.128</b>	<b>-</b>	<b>6.806.921.014</b>	<b>5.683.317</b>	<b>7.304.233.459</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.899.057.320 VND.

**4.7. Tài sản cố định vô hình**

Là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là giá trị nhà tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được mua lại với mục đích xây dựng văn phòng làm việc. Các hồ sơ, thủ tục bàn giao nhà và giấy tờ nhà đã hoàn tất theo biên bản bàn giao ngày 30/05/2018. Hiện tại, Công ty đã hoàn tất việc thiết kế, sửa chữa, lắp đặt nội thất cho văn phòng mới và đã đưa vào sử dụng từ tháng 01/2019.

**4.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	526.750.000		-	526.750.000		-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000		-	4.392.000.000		-
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		1.585.132.416	19.120.589.000		-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800.000		-	1.927.800.000		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	2.130.300.000		-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
<b>Cộng</b>	<b>37.214.493.302</b>		<b>1.585.132.416</b>	<b>38.397.993.302</b>		<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Đầu tư vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans.

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước	44.168.188.026	44.168.188.026	37.072.709.467	37.072.709.467
<i>Công ty Cổ phần Tiếp Vận AVC Việt Nam</i>	6.679.306.326	6.679.306.326	2.683.777.963	2.683.777.963
<i>Công ty TNHH Phúc Vinh Văn phòng bán vé HKK Cathay Pacific Airway tại Tp. Hồ Chí Minh</i>	1.161.665.889	1.161.665.889	1.486.836.279	1.486.836.279
<i>Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội</i>	1.159.182.258	1.159.182.258	267.015.138	267.015.138
<i>Người bán khác trong nước</i>	-	-	2.139.720.000	2.139.720.000
	35.168.033.553	35.168.033.553	30.495.360.087	30.495.360.087
Phải trả người bán nước ngoài	17.340.385.991	17.340.385.991	13.306.188.255	13.306.188.255
<i>AD Rem Transport Uab</i>	847.477.805	847.477.805	1.156.270.498	1.156.270.498
<i>Portever Shipping (H.K.) Co., Ltd</i>	1.361.296.362	1.361.296.362	606.286.295	606.286.295
<i>Trimanson Express Ltd</i>	3.704.010.778	3.704.010.778	-	-
<i>Đại lý nước ngoài khác</i>	11.427.601.046	11.427.601.046	11.543.631.462	11.543.631.462
Phải trả người bán khác	2.477.911.979	2.477.911.979	939.780.224	939.780.224
<b>Cộng</b>	<b>63.986.485.996</b>	<b>63.986.485.996</b>	<b>51.318.677.946</b>	<b>51.318.677.946</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2018		Số phát sinh trong kỳ		Số đã khấu trừ trong kỳ		Tại ngày 31/12/2018	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-		28.418.354.713		27.770.037.363		648.317.350	
	Tại ngày 01/01/2018		Trong năm			Tại ngày 31/12/2018		
	VND		VND			VND		
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	-	808.927.853	33.423.634.778	6.086.110.387	27.770.037.363	-	376.414.881	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.741.154.631	5.657.157.381	3.641.154.631	-	-	4.757.157.381	
Thuế thu nhập cá nhân	-	304.716.534	4.032.910.864	4.076.873.766	-	-	260.753.632	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.881.008.250	3.508.935.390	-	1.627.927.140	-	
Các loại thuế khác	-	147.487.087	1.361.322.625	1.361.437.912	-	-	147.371.800	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.002.286.105</b>	<b>46.356.033.898</b>	<b>18.674.512.086</b>	<b>27.770.037.363</b>	<b>1.627.927.140</b>	<b>5.541.697.694</b>	

Trong năm 2018 Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
  - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
  - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn 2016 - 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2018 còn phải trả cho người lao động

**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí hoa hồng	1.228.516.925	2.527.659.996
Cước vận chuyển, phí làm hàng	65.994.014	936.868.007
<b>Cộng</b>	<b>1.294.510.939</b>	<b>3.464.528.003</b>

**4.14. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả đại lý	3.318.048.889	4.733.900.308
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.604.465	139.481.350
<b>Cộng</b>	<b>3.517.653.354</b>	<b>4.873.381.658</b>
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.000.000	382.067.000
<b>Cộng</b>	<b>32.805.000.000</b>	<b>33.182.067.000</b>

(\*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 9.

**4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu năm	5.025.141.734	5.412.082.354
Trích lập trong năm	471.160.000	578.600.000
Sử dụng trong năm	(695.948.300)	(965.540.620)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.800.353.434</b>	<b>5.025.141.734</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 9.

**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	90.000.000.000	4.950.000.000	8.000.000.000	68.222.554.728	171.172.554.728
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	23.558.744.982	23.558.744.982
Chia cổ tức	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(578.600.000)	(578.600.000)
Tại ngày 01/01/2018	90.000.000.000	4.950.000.000	9.000.000.000	76.702.699.710	180.652.699.710
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	23.961.452.144	23.961.452.144
Chia cổ tức	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(471.160.000)	(471.160.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>85.692.991.854</b>	<b>190.642.991.854</b>

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.17.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 31/12/2018</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

**4.17.3. Cổ tức**

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	13.500.000.000	13.500.000.000

**4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Tại ngày 31/12/2018</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	293.624,95	1.406.234,04

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh	557.475.750.383	452.521.049.094
<i>Dịch vụ hàng không</i>	265.404.750.859	201.179.649.997
<i>Dịch vụ đường biển</i>	85.389.757.199	86.814.181.723
<i>Dịch vụ logistics</i>	206.681.242.325	164.527.217.374
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	308.052.487.752	309.313.052.839
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	52.130.874.368	50.639.607.324
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	9.902.003.463	-
<b>Cộng</b>	<b><u>927.561.115.966</u></b>	<b><u>812.473.709.257</u></b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 6	893.668.811	1.383.203.287

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh	526.510.749.704	427.707.417.997
<i>Dịch vụ hàng không</i>	252.964.073.020	191.019.147.709
<i>Dịch vụ đường biển</i>	77.084.323.709	77.229.247.798
<i>Dịch vụ logistics</i>	196.462.352.975	159.459.022.490
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	308.018.719.412	308.671.152.041
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	52.322.147.951	51.203.920.559
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	9.765.190.241	-
Giá vốn chi nhánh Quy Nhơn	76.356.362	-
<b>Cộng</b>	<b>896.693.163.670</b>	<b>787.582.490.597</b>
Trong đó, giá vốn của dịch vụ cung cấp từ các bên liên quan - Xem thêm mục 6	5.641.495.772	4.662.547.477

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.321.384.070	7.178.271.289
Lãi tiền gửi	2.214.023.580	3.263.975.770
Lãi từ bán các khoản đầu tư - Xem thêm mục 6	620.763.956	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.842.638.657	2.293.589.189
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	211.042.803	119.644.219
<b>Cộng</b>	<b>14.209.853.066</b>	<b>12.855.480.467</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.701.389.253	1.802.614.319
Dự phòng đầu tư tài chính	1.585.132.416	-
<b>Cộng</b>	<b>5.286.521.669</b>	<b>1.802.614.319</b>

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	7.443.893.919	6.187.162.467
Chi phí vật liệu	201.894.224	327.080.629
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.329.000	82.891.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.681.316	316.397.464
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(1.771.777.603)	855.056.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.035.872.855	3.238.928.252
<i>Tiền điện</i>	762.548.949	879.542.303
<i>Cước điện thoại</i>	133.488.524	218.096.279
<i>Công tác phí</i>	121.965.807	86.819.325
<i>Khác</i>	2.017.869.575	2.054.470.345
Các khoản chi phí khác	1.199.249.434	1.098.512.319
<b>Cộng</b>	<b>10.408.143.145</b>	<b>12.110.028.830</b>

**5.6. Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất 127.132m <sup>2</sup> ở Huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	-	5.591.943.839
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	216.632.432	152.727.273
Thu nhập khác	18.836.545	32.456.091
<b>Cộng</b>	<b>235.468.977</b>	<b>5.777.127.203</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.657.157.381	5.941.154.631
Thuế TNDN bị truy thu các năm trước	-	34.622.359
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.657.157.381</b>	<b>5.975.776.990</b>

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	29.618.609.525	29.534.521.972
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.190.908.392	7.548.636.889
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(6.523.731.011)	(7.377.385.707)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	28.285.786.906	29.705.773.154
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5.657.157.381</b>	<b>5.941.154.631</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo qui định của pháp luật;

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập khi tính thuế như cổ tức, lợi nhuận được chia.

**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	63.196.775.939	60.458.713.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.432.652.650	3.062.726.939
Chi phí dự phòng	(1.771.777.603)	855.056.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	639.358.677.496	560.551.729.023
Chi phí khác bằng tiền	203.884.978.333	174.764.293.393
<b>Cộng</b>	<b>907.101.306.815</b>	<b>799.692.519.427</b>

**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |   |                          |
|---|--------------------------|
| 1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)                   | Công ty con              |
| 2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) | Công ty liên kết         |
| 3. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành                              | Công ty liên kết         |
| 4. Công ty Cổ phần Vận chuyển Vinalink                              | Công ty liên kết         |
| 5. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM          | Công ty liên doanh       |
| 6. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)              | Công ty liên doanh       |
| 7. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)   | Công ty liên doanh       |
| 8. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)                                      | Công ty liên doanh       |
| 9. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc                | Nhân sự quản lý chủ chốt |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	12.169.055.432	1.628.244.533
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	824.035	-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	22.434.240	26.655.471
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	-	3.619.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.2</b>	<b>12.192.313.707</b>	<b>1.658.519.004</b>

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	541.631	180.000.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b>1.000.541.631</b>	<b>1.180.000.000</b>

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán dịch vụ:		
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	393.719.446	538.230.562
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	5.683.000	296.342.154
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	194.931.104	103.863.668
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	266.671.686	396.409.593
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	32.663.575	48.357.310
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>893.668.811</b>	<b>1.383.203.287</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Mua dịch vụ:		
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	911.421.223	1.130.246.156
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	1.710.201.290	2.099.070.372
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	2.908.584.501	1.187.453.429
Các bên liên quan khác	111.288.758	245.777.520
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.2</b>	<b>5.641.495.772</b>	<b>4.662.547.477</b>
	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Cổ tức đã chia:		
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	98.910.000	98.910.000
	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	620.763.956	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty:		
	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	380.000.000	488.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.607.541.398	2.027.210.942
Cổ tức đã chia	1.087.590.000	1.107.840.000
<b>Cộng</b>	<b>4.075.131.398</b>	<b>3.623.050.942</b>

**7. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	80.000.000	105.000.000

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC**

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m<sup>2</sup>, văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.



**Nguyễn Nam Tiến**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Anh Nam**  
**Kế toán trưởng**

**Lê Thị Thanh Thanh**  
**Người lập**